Quyển 50 (Kinh số 1325 - 1362)

Kinh Tạp A-Hàm (Trung Tâm DT Trí Tịnh - VNC PHVN, 2022)

1468 KINH TẠP A-HÀM

QUYỂN 50 1325. BỊ QUỶ BẮT GIỮ1 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Khi ấy, có con trai của một ưu-bà-di thọ trì tám trai giới nhưng lại phạm giới nên bị quỷ thần bắt giữ. Lúc ấy, ưu-bà-di liền nói kệ: Ngày mười bốn, ngày rằm, Và mồng tám mỗi tháng, Cả ngày lễ đặc biệt,2 Tám giới, khéo đinh tâm. Thọ trì trai giới ấy, Không bi quỷ bắt giữ, Tôi xưa hỏi mấy lần, The Ton noi như vây. Bấy giờ, quỷ kia liền nói kệ: Ngày mười bốn, ngày rằm, Và mồng tám mỗi tháng, Cả ngày lễ đặc biệt, Tu tám giới, định tâm. Trai giới, sống thanh tịnh, Giới đức khéo giữ gìn, Không bi quỷ bỡn cợt, Lành thay, nghe từ Phật, Bà nay nói rằng thả, Ta sẽ thả con bà. Có các nghiệp trì trệ, Nhiễm ô, tu khổ hạnh, Phạm hạnh không thanh tịnh, Trọn không được quả lớn. Ví như nhổ cỏ may, Nắm lỏng thì hại tay, Sa-môn làm việc xấu, Sẽ đọa địa ngục ngay. Ví như nhổ cỏ may, Nắm chặt không hại tay, Sa-môn khéo nhiếp trì, Đạt đến Bát-niết-bàn.

1 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7L02. 0099.1325. 0364a08). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.Ỏ2. 010Ó.324. 0482al6);S. 10.5 -1. 208. 2 Nguyên tác: Thần thông thụy ứng nguyệt (pātihāriyapakka), cũng gọi là "thần biến nguyệf,(),“thn túc nguy$t,9 ().Pātihāriya nghĩa là than biến; pạkkha có nghĩa là nửa tháng, vừa có nghĩa là dự hội. s. 1.5 - L 209: Pātihāriyapakkhañca (cả ngày lễ đặc biệt), HTThich Minh Châu dịch. Cú ngư này được giải thích rất đa dạng. Theo Đại Đường Tây Vức (T.51. 2087.08. 0918Ồ12) gọi là "dại thn biến nguyet"(),rơi vào ngày 30 tháng 12, so với lịch Trung Hoa, đó là ngày 15 tháng Giêng (( )).Tục Cao Tang truyện (T.50. 2060.04. 0451 a06) cũng khang đinh điều tương tự. Ngoài ra, Sn. v. 404, Dhammikasuttavannana (Chủ giải Kinh Dhammikā) giai thích răng: Pātihāriyapakkhañcāti ettha pana vassūpanāyikāya purimabhāge āsālhamāso, antovassam tayo māsā, kattikamāsoti ime pañcamāsā (ipātihāriyapakkho "ti vuccanti (Hơn nữa ở đây, vào thời diêm trước mùa mưa ở tháng Sáu (āsālha), tư tháng mua mưa đó đến tháng Mười (kattika), 5 tháng đó gọi là (ipātihāriyapakkha ^).

QUYỂN 50 1469

Khi ấy, quỷ thần kia liền thả con trai của ưu-bà-di ấy ra. Bà liền nói kệ dạy con: Nay con nghe mẹ nói, Lời của quỷ thần kia, Nếu có nghiệp trì trệ, Nhiễm ô5 tu khổ hạnh, Phạm hạnh không thanh tịnh, Thì không được quả lớn. Ví như nhổ cỏ may, Nắm lỏng thì hại tay, Sa-môn khởi uế nhiễm, Sẽ đọa địa ngục ngay. Như nắm chặt cỏ may, Thì không hại bàn tay, Sa-môn khéo hộ trì, Chóng đắc Bát-niết-bàn. Khi ấy, con trai của ưu-bà-di được khai ngộ như thế xong, liền cạo bỏ râu tóc? khoác áo cà-sa, với niềm tin chân chánh, rời bỏ gia đình, xuất gia học đạo. Nhimg một hôm tâm không an lạc, thầy trở về nhà. Người mẹ từ xa nhìn thấy con mình, liền nói kệ: Lánh đời mà xuất gia, Sao lại trở về làng? Nhà cháy cứu tiền của, Sao lại ném vào lửa? Vị Tỳ-kheo con của ưu-bà-di kia nói kệ đáp: M M — Nghĩ khi mẹ qua đời, Sông chét không được gặp, Nên

trở về thăm lại, Sao thấy con, mẹ buồn? Người mẹ nói kệ đáp: Bỏ dục mà xuất gia, Trở lại muốn thụ hưởng, The nên mẹ lo sợ5 Con bị ma lung lạc. Sau khi ưu-bà-di đã cảnh tỉnh con mình bằng những lời như vậy, người con ấy quay lại chỗ thanh vắng, tinh cần tư duy, đoạn dứt tất cả trói buộc của phiền não, chứng đắc quả vị A-la-hán. *** 1326. QUỶA-LẠP3 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật du hóa trong nhân gian tại nước Ma-kiệt-đà, rồi đến nghỉ đêm tại tru xứ của quỷ A-lạp.4 Bấy giờ, quỷ A-lạp đang hội họp cùng các quỷ thần. Khi ấy, co quỵ Kiệt-đàm5 nhìn thấy Thế Tôn nghỉ đêm tại trú xứ của quỷ A-lạp. Thấy rồi liền đến chỗ quỷ A-lạp nói: Này thôn chủ! Ông thật có lợi lớn vì đức Như Lai đang nghỉ qua đêm tại trú xứ của ông.

3 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1326. 0364ỒỒ21). Tham chiếu: Tạp.(r02. 0099.603. Ỏ161a22); Biệt Tạp.(T.02. 0100.325. 0482c08); s. 10.12 L 213; Sn. 1.10 - 31. 4 A-lạp (I®, ÂỊavaka). 5 Kiệt-đàm quỷ ().ở sau ghi là Kiệt-đàm-ma ().

1470 KINH TẠPA-HÀM

Quỷ A-lạp nói:

Hôm nay có người tru tại nhà tôi ư? Phải thử lại cho biết có đúng là Như Lai hay không phải Như Lai.

Sau khi hội họp cùng tất cả quỷ thần xong, quỷ A-lạp liền trở về nhà mình roi noi vơi đức The Ton:

A

Sa-môn! Ong hãy bước ra. Vì Thế Tôn đang ở trong nhà người khác, nên Ngài bước ra. Quỷ A-lạp lại nói: Sa-môn! Ông hãy đi vào. Đức Phật liền bước vào. Vì muốn dập tắt ngạo mạn của quỷ nên Ngài ba lần ra vào như thế. Đen lần thứ tư, quỷ A-lạp lại nói: -Sa-môn! Ông hãy bước ra. Khi áy, Thê Tôn liên noi với quỷ A-lạp: Này thôn chủ! Đã ba lần vậy rồi, nay Ta không bước ra nữa. Quỷ A-lạp nói: -Tôi hỏi Sa-môn, hãy trả lời tôi, có thể khiến tôi hài lòng thì tốt, còn nếu không khiến tôi hài lòng thì tôi sẽ bóp nát tim của ông, xé rách ngực ông và làm cho máu tươi từ mặt ông vọt ra, rồi nắm hai tay ông ném qua bên kia bờ sông Hằng. Đức Thế Tôn đáp: Này thôn chủ! Ta không thấy chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, Sa-môn, Bà-la-môn, thiên than, trời hay người nào có khả năng bóp nát tim, xé toang ngực, làm máu tươi từ mặt vọt ra hay nắm hai tay của Như Lai, ứng Cúng, Giác Ngộ Viên Mãn ném qua bờ kia sông Hằng. Nhưng nay thôn chủ cứ hỏi, Ta sẽ trả lời, sẽ khiến ông được hài lòng. Khi ây, quỷ A-lạp dùng kệ hỏi Phật: Hãy nói những gì là, Thù thăng của con người? Thực hành những pháp gì, Được quả báo an lạc? Những gì là vị ngon? Tuổi thọ nào hơn hết? The Ton noi kẹ đáp: Tịnh tín là tối thắng, Trong tài sản con người, Hành theo pháp, an vui, Giải thoát, vị tối thượng, Trí tuệ trừ già, chết, Là thọ mạng bậc nhất. Quỷ A-lạp lại nói kệ: Làm sao được nổi danh, (Tiếp theo như kệ ở kỉnh số 1282).

QUYỂN 50 1471

r

The Ton noi kê đáp:

Trì giới vang danh tiếng,

(Tiếp theo như kệ ở kinh sổ 1282).
Quỷ A-lạp lại nói kệ:
Mấy pháp khởi thế gian? Mấy pháp tùy thuận nhau?
Đời mấy pháp chấp thủ? Đời mấy pháp tổn giảm?
The Ton noi kê đáp:
Thế gian sáu pháp khởi, Sáu pháp tùy thuận nhau,
Đời sáu pháp chấp thủ, Đời sáu pháp tổn giảm.6
Quỷ A-lạp lại dùng kệ hỏi Phật:
Ai vượt qua các dòng, Ngày đêm siêng tinh tấn?
Không dính, không chỗ trụ, Ai không bị đắm chìm?

–
The Ton noi kê đáp:
Đầy đủ tất cả giới, Trí tuệ, khéo thiền định,
Tư duy trong chánh niệm, Qua được dòng khó qua.
Không ưa thích ngũ dục, Cũng vượt qua sắc ái5
Không dính, không chỗ trụ, Thì không bị đắm chìm.
Quỷ A-lạp lại dùng kệ hỏi Phật:
Dùng pháp gì vượt dòng? Làm sao vượt biển lớn?
Làm sao xa lìa kho? Làm sao được thanh tịnh?
The Ton noi kê đáp:
Dùng tín để vượt dòng, Không buông lung, vượt biển,
Tinh tấn được dứt khổ, Nhờ tuệ được thanh tịnh.
Người nếu hỏi câu khác, Pháp Phạm chí, Sa-môn,
Pháp ấy không vượt ngoài, Chân đế? thí, điều phục.
Bấy giờ, quỷ A-lạp liền nói kệ thưa Phật:
Hà tất phải hỏi khác, Pháp Phạm chí, Sa-môn?
Ngài là bậc Tối Thượng, Đuốc pháp lớn rực sáng.
Với Kiệt-đàm-ma7 kia, Thường phải báo ân này,
Chỉ cho con: Chánh Giác, Đấng Vô Thượng Ngự Sư.
Hôm nay con đi theo, Làng này đến làng kia, 9 r
Thân cận bậc Chánh Giác, Đê được nghe thuyêt pháp.
Đức Phật nói kinh này xong, quỷ A-lạp hoan hỷ và tùy hỷ? đảnh lễ rồi lui ra.
***

6 Sáu pháp ở đây chỉ cho 6 căn bên trong và 6 ưần bên ngoài. 7 Tức quỷ Kiệt-đàm ở trước.

1472 KINH TẠP A-HÀM

1327. TỲ-KHEO-NI THÚC-CA-LA8 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni Thúc-ca-la910 đang ở trong chúng Tỳ-kheo-ni tại ngự viên, được dân chúng thành Vương Xá cung

kính cúng dường như bậc A-la-hán. Một lần, nhân ngày lễ hội cúng saodân chúng thành Vương Xá tụ tập đại hội vui chơi, nên ngày đó không ai nhớ việc cúng dường. Có một quỷ thần vì kính trọng Tỳ-kheo-ni ấy nên đi vào trong đường hẻm thành Vương Xá, đến từng nhà roi nói kệ: Dân chúng thành Vương Xá, Say sưa, ngủ li b Không thường dâng cúng dường, Tỳ-kheo-ni Thúc-ca. Nhờ khéo tu các căn, Nên gọi Thúc-ca-la, Khéo thuyết pháp lìa cấu, Pháp Niết-bàn thanh lương. Tùy thuận nghe pháp ấy, Trọn ngày vui, không chán, Trí tuệ nhờ nghe pháp, Vượt được dòng sanh tử, Như người buôn qua biển, Nương nhờ sức ngựa chúa.11 Khi ấy, có một iru-bà-tắc đem y áo đến cúngJ dường - Tỳ-kheo-ni . Thúc-ca-la, rồi lại có một ưu-bà-tắc khác đem thức ăn đến cúng dường. Vị quỷ thần kia liền nói kệ: Ưu-bà-tắc có trí, Được phước lợi rất nhiều, Cúng Thúc-ca y áo5 Vị đã lìa phiền não. ưu-bà-tắc có trí, Được phước lợi rất nhiều, Cúng Thúc-ca thức ăn, Vị đã lìa trói buộc.12 Bây giơ, vị quy thân ây noi kệ xong roi liên biên mát. ***

8 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1327. 0365a24). Tham chiếu: Biệt Tạp. (r.Ó2. 010Ó.327. 0483026); S. 10.9-10-1. 212. 9 Thúc-ca-la (,Sukkā). 10 Nguyên tác: Cát tinh nhật (H): Ngày giáng hạ của một vì sao tốt. Vào những ngày này, người dân Ân Độ nói chung thương tổ chức lễ hội cung tế, vui chới. Tập tục này hiện còn ton tại đến ngày nay. Theo tín niệm An giáo, trăng sao có rnột ý nghĩa rất đặc biệt VI mỗi con người sanh ra đều gắn với một vì sao. Theo một bản kinh thuộc Ấn giáo hiện còn được bảo lưu trong Đại Chánh tạng, tức là Kỉnh Phạm thiên hỏa la cửu diệu (21. Ị 31L l. 0462a05): Nêu gặp sao xấu thi nên cúng tế sẽ tránh được những điều không thuận lợi, tức biến xấu thành tốt, nếu không tin sẽ biến tốt thành xấu (2 : 11 Ví dụ này xem thêm Thương nhân cầu tài kinh (TOI. 0026.136. 0642a28); Tăng. (F.02. 0125.45.1.0769015). 12 Nguyên tác: Tích tụ ().Tứ A-hàm mộ sao g(7.25. 1505.02. 0010c25) giải thích: Am, tích tụ và trói buộc cùng một nghĩa (').s. 10.10 - L 459: Sabbaganthehi vippamuttiyā'ti (Một vị đã giải thoát/Tất ca mọi triền phược), HT. Thích Minh Châu dịch.

QUYỂN 50 1473

1328. TỲ-KHEO-NI TỲ-LA13 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-dà, thuộc thành Vương Xá. Bây giờ, có Tỳ-kheo-ni Tỳ-la đang ở trong chúng Tỳ-kheo-ni tại ngự viên, thuộc thanh Vương Xá. Nhân ngày lễ hội cúng sao, dân chúng thành Vương Xá tụ tập vui chơi nên ngày đó Tỳ-kheo-ni Tỳ-la không được ai cúng dường. Lúc ấy, có vị quỷ thần vì kính trọng Tỳ-kheo-ni Tỳ-la nên vào thành Vương Xá, đi khắp các ngã tư đường roi nói kệ: Dân chúng thành Vương Xá, Say sưa, ngủ mê man, Tỳ-kheo-ni Tỳ-la? Không có ai cúng dường. Tỳ-kheo-ni Tỳ-la5 Dống mãnh tu các căn, Khéo nói pháp lìa cấu, Pháp Niết-bàn thanh lương. Thuận theo những lời này, Suốt ngày vui, không chán, Trí tuệ nhờ nghe pháp, Được qua dòng tử sanh. Khi ây, có một ưu-bà-tăc đem y đên cúng dường Tỳ-kheo-ni Tỳ-la, lại có một ưu-bà-tắc khác đem thức ăn đến cúng dường. Quỷ thần ấy liền nói kệ: Ưu-bà-tắc trí tuệ, Nay được phước lợi lớn, Cúng y cho Tỳ-la? Vị đã dứt phiền trược. Ưu-bà-tắc trí tuệ, Nay được phước lợi lớn, Cúng Tỳ-la thức ăn, Vị xa lìa trói buộc.14 Bấy giờ, quỷ thần ấy nói kệ xong rồi liền biến

mất. *** 1329. HAI THIÊN THẦN15 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà, thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có thiên thần Sa-đa-kỳ-lợi16 và thiên thần Hê-ma-ba-đê17 cùng giao ước răng: "Trong cung nêu có vật báu xuất hiện thì phải nói cho nhau biêt, không nói thì mang tội bội ước?5

13 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1328. 0365Ồ15). Tham chiếu: Biêt Tạp. (7.02. 0100326. 0483b04); s. 10.11 - L 213. 14 Nguyên tác: Hòa hợp (),tên gọi khác chỉ cho "tích tụ^, ().Xem chú thích 12 ở trước. 15 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tớp. s ([.02. 0099.1329. 365c06). Tham chiếu: Biêt Tạp.(02. 0100.328. 483017);^^ túc kỉnh (04. 0198.01. 0174bÓ8); Sn. 1.9 - 27. 16 Sa-đa-kỳ-lợi ,Sātāgirā). 17 Hê-ma-ba-đê (Hemavatā).

1474 KINH TẠPA-HÀM

Thế rồi, trong cung thiên thần Hê-ma-ba-đê có một vật báu chưa từng có xuất hiện, đó là hoa Ba-đàm-ma.18 Hoa có ngàn cánh, lớn như bánh xe, cọng sắc vàng ròng. Lúc ấy, thiên thần Hê-ma-ba-đê sai người đến báo với thiên thần Sa-đa-kỳ- lợi rằng: Thôn chủ! Hôm nay trong cung tôi bỗng xuất hiện một vật báu chưa từng có, đó là hoa Ba-đàm-ma. Hoa có ngàn cánh, lớn như bánh xe, cọng sắc vàng ròng, mời đến xem qua. Thiên thần Sa-đa-kỳ-lợi sai người đến chỗ thiên thần Hê-ma-ba-đê nói rằng: Thôn chủ! Trăm ngàn hoa Ba-đàm-ma ấy để làm gì? Hôm nay trong cung chúng tôi có vật báu chưa từng c6, đó là đại Ba-đàm-ma xuất hiện, chính là đấng Như Lai, ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Si, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Ong hãy đen phụng sự cúng dường. Khi ấy, thiên thần Hê-ma-ba-đê cùng với năm trăm quyến thuộc đến chỗ thiên thần Sa-đa-kỳ-lợi dùng kệ hỏi: Ngày rằm là ngày tốt, Ban đêm gặp hội vui, Hãy nói thọ trai gì5 Thọ từ La-hán nào? Sa-đa-kỳ-lợi nói kệ đáp: Hôm nay Phật, Thế Tôn, Tại nước Ma-kiệt-đà519 Trú ở thành Vương Xá? Vườn trúc Ca-lan-đà9 Diễn nói pháp vi diệu, Diệt trừ khổ chúng sanh. Khổ khổ và khổ tập, Khổ diệt tận tác chứng, Bát Thánh đạo thoát khổ, An ổn đến Niết-bàn? Hãy đến để cúng dường, Thế Tôn, bậc La-hán. Khi ấy, thiên thần Hê-ma-ba-đê dùng kệ hỏi: Ngài ây tâm nguyện muôn, Cứu độ chúng sanh chăng? Với các thọ, không thọ, Tâm tưởng bình đẳng chăng? Thiên thần Sa-đa-kỳ-lợi nói kệ đáp: Ngài tâm từ, nguyện diệu, Độ tất cả chúng sanh, Với các thọ, không thọ, Tâm tưởng thường bình đẳng. Thiên thần Hê-ma-ba-đê dùng kệ hỏi: Minh đạt20 đã đầy đủ9 Hạnh đã thành tựu chăng? Các lậu đã sạch hẳn, Không còn tái sanh chăng?

18 Ba-đàm-ma paduma tức hoa sen hồng. 19 Nguyên tác: Ma-kiệt Thắng quốc .Theo,Nhất thiết kỉnh am nghĩa T.54. 2128.20. 0431a08, Ma-kiệt-đa, Hán dịch la4Thiện Th*ng” O. 20 Minh đạt chi cho Túc mạng minh Thiên nhãn minh và Lậu tận minh .

QUYỂN 50 1475

Thiên thần Sa-đa-kỳ-lợi nói kệ đáp: Minh đạt được đây đủ, Chánh hạnh đã thành tựu, Các lậu đã dứt sạch, Không còn tái sanh nữa. Thiên thần Hê-ma-ba-đê lại dùng kệ hỏi: Ý Mâu-ni viên mãn, Nghiệp thân, miệng mãn chăng? Minh, hạnh đều đầy đủ,21 Đứng

pháp tán thán chăng? Sa-đa-kỳ-lợi nói kệ đáp: Ý Mâu-ni viên mãn, Nghiệp thân, miệng tròn đầy, Minh, hạnh đêu đây đủ, Đúng pháp mà tán thán. Thiên thần Hê-ma-ba-đê dùng kệ hỏi: Xa lìa hại sanh mạng, Không cho không lấy chăng? Xa lìa sự phóng đãng, Không rời thiền định chăng? Thiên thần Sa-đa-kỳ-lợi nói kệ đáp: Thường không hại chứng sanh, Không cho không lấy càn, Xa lìa sự phóng đãng, Ngày đêm thường thiền tư. Thiên thần Hê-ma-ba-đê dùng kệ hỏi: Không ưa thích năm dục, Tâm không trược loạn chăng? Có pháp nhãn thanh tịnh, Diệt hết ngu si chăng? Thiên thần Sa-đa-kỳ-lợi đáp: Tâm không ưa dục lạc, Tâm cũng không loạn động, Pháp nhãn Phật thanh tinh, Ngu si sạch không còn. Thiên thần Hê-ma-ba-đê dùng kệ hỏi: Chí thành không vọng ngữ, Không nói lời thô chăng? Không nói lời ly gián, Thường nói chân thành chăng? Thiên thần Sa-đa-kỳ-lợi nói kệ đáp: Chí thành không vọng ngữ, Cũng không nói lời thô? Không ly gián người khác, Thường nói đúng như pháp. Thiên thần Hê-ma-ba-đê dùng kệ hỏi: Có giữ giới thanh tinh, Chánh niêm, tịch diệt chăng? Đầy đủ pháp giải thoát, Như Lai đại trí chăng? Thiên thần Sa-đa-kỳ-lợi nói kệ đáp: Tinh giới đều đầy đủ, Chánh niệm, thường tịch tĩnh, Thành tựu pháp giải thoát, Đắc đại trí Như Lai. Thiên thần Hê-ma-ba-đê dùng kệ hỏi: Minh đạt thảy đầy đủ, Chánh hạnh đã thanh tjnh, Các lậu đã sạch hết, Có còn thọ thân sau?

21 Nguyên tác: Minh, hạnh tất cụ túc vijjācaranasampannci.

Thiên thần Sa-đa-kỳ-lợi nói kệ đáp: Minh đạt đã đầy đủ9 Chánh hạnh đã thanh tịnh, Tất cả các lậu sạch, Không còn thọ thân sau. Thiên thần Hê-ma-ba-đê dùng kệ hỏi: Mâu-Iii thiện tâm đủ? Cho đến nghiệp thân, miệng, Minh, hạnh thảy vẹn toàn, Tán thán pháp này chăng? Thiên thần Sa-đa-kỳ-lợi nói kệ đáp: Mâu-ni thiện tâm đủ, Cho đến nghiệp thân, miệng, Minh, hạnh thảy vẹn toàn, Nên tán thán pháp này. Thiên thần Hê-ma-ba-đê lại nói kệ: Đùi nai Y-ni-diên522 Tướng quý của Tiên nhân, Ăn ít, bỏ tham đắm, Mâu-ni trú rừng thiền, /\ r

Ong nay hãy cùng đên, Kính lễ đức Cu-đàm. T M ỉ \ 9 *1 Ầ A e iX LÚC ây, cùng với trăm ngàn quỷ thân quyên thuộc vây quanh, hai thiên thân Sa-đa-kỳ-lợi và Hê-ma-ba-đê vội vàng đi đến chỗ Phật, đảnh lễ cúng dường, chỉnh sửa y phục, bày vai bên phải, chắp tay kính lễ và nói kệ: Đùi nai Y-ni-diên, Tướng quý của Tiên nhân, Ăn ít, bỏ tham đam, Mâu-ni vui rừng thiền. Hôm nay chúng con đến, Thỉnh vấn đức Cù-đàm5 Sư tử bước một mình, Rồng lớn không sợ hãi. Hôm nay đến thỉnh vấn, Xin Mâu-ni giải nghi, Làm sao ra khỏi khổ? Làm sao giải thoát kho? Xin nói về giải thoát, Khổ từ đâu mà diệt? Bay giơ, The Ton noi kệ đáp: Năm dục ở thế gian, Và thứ sáu là ý, Nơi dục kia không tham, Giải thoát tất cả khổ. Như thế ra khỏi khổ, Như vậy giải thoát khổ, Nay đã trả lời ông, Khổ từ đây mà diệt. Hai thiên thân Sa-đa-kỳ-lợi và Hê-ma-ba-đê lại dùng kệ hỏi: Suối từ đâu quay lại, Đường ác sao không chuyển? Những khổ, vui thế gian, Nhờ đâu mà diệt tận? Thê Tôn nói kệ đáp: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, Cùng với ý nhập xứ, Nơi danh và sắc kia, Diệt sạch hết, không sót.

22 Nguyên tác: Y-ni-diên lộc thuyên ()vừa phiên âm và vừa dịch nghĩa từ enijañgha, nghĩa là băp chân của con linh dương, một trong 32 tướng quý của đức Phật. Xem thêm Tạp.(r 02. 0099.602.0161 a03). J • J J •

QUYÊN 50 1477

r 9

Từ đó, suôi quay lại, Đó, đường ác không chuyên
Với kho và vui kia, Dứt sạch hết, không còn.
Sa-đa-kỳ-lợi và Hê-ma-ba-đê nói kệ:
Thế gian mấy pháp khởi, Đời mấy pháp hòa hợp,
Đời mấy pháp chấp thủ, Mấy pháp khiến đời giảm?
The Ton noi kệ đáp:
The gian sáu pháp khởi, Đời sáu pháp hòa hợp,
Đời sáu pháp châp thủ, Sáu pháp đời tổn giảm.
Sa-đa-kỳ-lợi và Hê-ma-ba-đê dùng kệ hỏi:
Làm sao vượt các dòng, Ngày đêm siêng tinh tấn,
Không dính, không chỗ trụ, Mà không bị nhấn chìm?
The Ton noi kê đáp:
Đầy đủ tất cả giới, Trí tuệ5 khéo chánh đinh,
Theo tư duy nhiếp niệm, Có thể qua vực sâu.
Không ưa các dục tưởng, Vượt trói buộc của sắc5
Không dính, không chỗ trụ, Không chìm nơi vực thăm.
Sa-đa-kỳ-lợi và Hê-ma-ba-đê dùng kệ hỏi:
Pháp gì vượt các dòng? Nhờ đâu qua biển lớn?
Làm sao xa lìa kho? Làm sao được thanh tịnh?

The Ton noi kê đáp:
Chánh tín, vượt các dòng, Không phóng dật, vượt biên,
Tinh tấn, đoạn trừ khổ, Trí tuệ, được thanh tịnh.
Bấy giờ, Thế Tôn lại nói kệ:
Ong nêu có hỏi khác, Pháp Phạm chí, Sa-môn5
Chân thật, thí, điều phục, Ngoài đây, không pháp khác?
Thiên thần Hê-ma-ba-đê lại nói kệ:
Cần gì phải hỏi khác, Pháp Phạm chí, Sa-môn?
Nay bậc Đại Tinh Tấn, Đã khéo léo khai dẫn.
Nay con phải báo đáp, ơn Sa-đa-kỳ-lợi9
Hướng con đến Ngự Sư, Bảo với chúng con rằng,
Con nên đến thôn xóm, Đi theo Phật từng nhà,
Thừa sự, lễ, cúng dường, Theo Phật nghe Chánh pháp.

Trăm ngàn quỷ thần này, Đều chắp tay cung kính,
Tất cả quy y Phật, Đấng Đại sư Mâu-ni.
Xứng danh xưng Vô Thượng, Ắt thấy nghĩa chân thật,
Thành tựu đại trí tuệ, Với dục không nhiễm trước.
Người trí nên quan sát, Cứu độ khắp thế gian,
Được dấu đạo Hiền thánh, Đó là Đại Tiên Nhân.
1478 KINH TẠPA-HÀM

Đức Phật nói kinh này xong, Sa-đa-kỳ-lợi và Hê-ma-ba-đê cùng các quyến thuộc năm trăm quỷ thần nghe lời Phật dạy vô cùng hoan hỷ và tùy hỷ, đảnh lễ rồi lui ra. ***

1330. QUỶ ƯU-BA-GIÀ-TRA23 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà9 thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất và Ton giả Mục-kiền-liên đang trú trong núi Kỳ-xà quật. Có lần, Tôn giả Xá-lợi-phất vừa mới cạo sạch râu tóc, bỗng có hai quỷ Già-tra và Ưu-ba-già-tra đi ngang qua. Quỷ ưu-ba-già-tra thấy Tôn giả Xá- lợi-phất mới cạo sạch râu tóc liền nói với quỷ Già-tra: -Bây giờ tôi sẽ đến đánh vào đầu vi Sa-môn kia. Quỷ Già-tra nói: ưu-ba-già-tra, chớ nói như the! Vị Sa-môn này có thần lực, đức độ lớn. Ông làm thế sẽ chịu khổ lâu dài, không lợi ích gì. Quỷ Già-tra can ba lần như thế mà quỷ Ưu-ba-già-tra không nghe lời, vẫn lấy tay đánh vào đầu Tôn giả Xá-lợi-phất. Đánh xong, quỷ ưu-ba-già-tra hét lên răng: Già-tra, tôi bị cháy! Già-tra5 tôi bị luộc! Quỷ ưu-ba-già-tra hét lên ba lần như thế rồi, liền ngã xuống đất và rơi xuống địa ngục A-tỳ. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nghe tiếng Tôn giả Xá-lợi-phất bị quỷ đánh, liền đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất và hỏi rằng: - Thế nào, Tôn giả? Có nhẫn chịu nổi đau đớn không? Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời: -Tôn giả Đại Mục-kiền-liên! Tuy đau đớn nhưng tâm ý có thể kham nhẫn nên không đến nỗi phải khổ lắm. Tôn giả Mục-kiền-liên nói: —Kỳ lạ thay! Tôn giả Xá-lợi-phất thật có đức lớn, thần lực lớn! Con quỷ này nếu dùng tay đánh vào núi Kỳ-xà quật thì núi sẽ nát ra như cám, huống gì đánh vào người mà không đau đớn? Tôn giả Xá-lợi-phất nói: Thật sự tôi thấy không đau lắm.

2tTựa đề đặt theo nội dung kinh. Tap.(r02. 0099.1330. 0367b05). Tham chiếu: Biệt Tạp. (7.02. 0100.329. 0485a24); Td.(T.02. 0125.48.6. 0793a03); Ud.Ì9.

QUYỂN 50 1479

LÚC hai Tôn giả đang hỏi thăm nhau như thế, đức Thế Tôn bằng thiên nhĩ nghe những lời này, Ngài liền nói kệ: Tâm ấy như đá cứng, Vững chãi, không lay động, Đã lìa tâm nhiễm trước, Không giận lại người sân, Nếu tu tâm như vầy, Đâu có nỗi đớn đau! Đức Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành. *** 1331. NGÀY RẰM MÃN HẠ24 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, có sô đông Tỳ-kheo du hóa trong nhân gian tại nước Câu-tát-la roi an cư mùa mưa trong một khu rừng. Có vị thiên thần sống trong rừng ấy, biết đến ngày rằm các Tỳ-kheo sẽ mãn hạ nên rất buồn bã. Một vị thần khác nói với vị thần ấy rằng: Ông vì cớ gì sanh khởi buồn rầu, khổ não như thế? Hãy nên vui vẻ vì các Tỳ"kheo trì giới thanh tịnh, hôm nay được thêm một tuổi hạ.

Thiên thần trong rừng đáp: -Tôi biết các Tỳ-kheo hôm nay mãn hạ, nhimg không giống với ngoại đạo chăng biêt xâu hô mãn hạ. Vì những Tỳ-kheo tinh tân này mãn hạ xong thì sáng hôm sau đều ôm bát đi đến nơi khác, khu rừng này rồi sẽ vắng vẻ. Sau khi các Tỳ-kheo đi rồi, thiên thần trong rừng nói kệ: Nay lòng tôi không vui, Khi thấy rừng vắng vẻ, Tâm thanh tinh thuyêt pháp, Các Tỳ-kheo đa văn, Đệ tử đức Cù-đàm? Nay đều đến nơi đâu? Khi ấy, có vị thiên tử khác nói kệ: Có đến Ma-già-đà, Có đến Câu-tát-la? Cũng đến Kim Cương địa,25 Mọi nơi tu viễn ly, Như muông thú rừng sâu, Rong chơi nơi mình thích. ***

24 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1331. 0367c01). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.02. 0100351.0489b07);5. 9.4-L 199. 25 Kim Cương địa ().Biệt Tạp.0.02. 0100.351. 0489c02): Tỳ-xá-lỵ quốc (). S. 9.4 - L 199 ghi Vajjibhūmi, tức là lãnh thổ của người Vajji, với thủ đô là Vesālī.

1332. CẢNH TỈNH MÊ NGỦ (l)26 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. - Khi ấy, có Tỳ-kheo du hóa trong nhân gian ở nước Câu-tát-la và dừng chân tru tại một khu rừng, buôi trưa nghỉ ngơi, thân thê mệt mỏi, ban đêm thì năm ngủ. Lúc đó, có vị thiên thần trú ngụ trong rừng ấy nghĩ rằng: “Bây chẳng phải pháp Tỳ-kheo, ở trong rừng vắng, buổi trưa nghỉ ngơi, ban đêm ham ngủ, ta nay phải đến thức tỉnh vị ấy.” Bấy giờ, thiên thần ấy đến trước Tỳ-kheo nói kệ rằng: Tỳ-kheo hãy thức dậy! Sao lại mê ngủ nghỉ? Mê ngủ có ích gì? Khi bệnh sao không ngủ? Lúc gai nhọn chích thân, Làm sao ngủ nghỉ được? Thầy đã rời gia đình, Mong muốn được xuất gia, Phải sông đúng nguyện xưa, Ngày đêm cầu tăng tiến, Chớ rơi vào mê ngủ, Khiến tâm không tự tại. Dục vô thường, biến chuyển, Làm say mê kẻ ngu, Người khác đều bi trói, Nay thầy đã thoát khỏi, Chánh tín mà xuất gia, Cớ sao còn mê ngủ? Đã điều phục tham dục, Tâm kia được giải thoát, Trí thắng diệu đày đủ9 Xuất gia sao mê ngủ? Siêng tinh tấn thiền định, Thường tu sức kiên c6, Chuyên cầu Bát-niết-bàn, Sao lại còn ham ngủ? Minh sanh, đoạn vô minh, Diệt sạch các hữu lậu, Điều phục thân sau cùng, Sao lại còn mê ngủ? Khi vị thiên thần ấy nói kệ này, Tỳ-kheo kia nghe xong thì chuyên tinh tư duy, đắc quả A-la-hán. *** 1333. XẢ Bỏ BỤI TRẦN27 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, có vị Tỳ-kheo ở nước Câu-tát-la và tru tại một khu rừng, buôi trưa nghỉ ngơi, tâm khởi ý tưởng bất thiện, chạy theo niệm tham xấu ác.

26 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.Q2. 0099.1332. 0367cl7). Tham chiếu: Tạp.(7.02. 0099.1346. 0370c09); Biệt Tạp.(02. 0100.352. 0489c07); s. 9.2 - L 197. 2\Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1333. 0368al2). Tham chiếu: Biệt Tạp. (7.02. 0100353. 0490a03); s. 9.1 - L 197.

Lúc đó? có vị thiên thần tru ngụ trong rừng ấy nghĩ rằng: "Đây chẳng phải là pháp của Tỳ-kheo, sống ở trong rừng, buổi trưa nghỉ ngơi, tâm khởi ý tưởng bát thiện, chạy theo niệm tham xấu ác. Nay ta nên đến khai ngộ cho vị ấy.” Thế rồi, thiên thần liền nói bài

kệ: Tâm ông muốn viễn ly, Trú ngụ nơi rừng vắng, Mà phóng theo ngoại duyên, Rong ruổi theo loạn tưởng. Điều phục tâm thích đời, Thường ưa tâm giải thoát, Buông bỏ tâm không vui, Trụ nơi tâm an lạc. Tâm tư không chánh niệm, Chớ dính ngã, ngã sở, Như để bụi dính đầu, Dính rồi rất khó phủi, Chớ để nhiễm dục lạc, Tâm dục bị vẩn đục. Xua đàn voi chạy nhanh, Rung thân khiến bụi rơi,28 Ty-kheo đối tự thân, Chánh niệm trừ tran cấu. Trần cấu là tham dục, Chẳng phải bụi thế gian, Người trí tuệ sáng suốt, Phải ngộ trần cấu kia, ở Pháp, Luật Như Lai, Giữ tâm không buông lung. Tran cau la sân hận, Chẳng phải bụi thế gian, Người trí tuệ sáng suốt, Phải ngộ tran cau này, ở Pháp, Luật Như Lai, Giữ tâm chớ buông lung. Trân câu là ngu si, Chẳng phải bụi thế gian, D z Người trí tuệ sáng suốt, Nên xả trân câu này, ở Pháp, Luật Như Lai, Giữ tâm không buông lung. Bây giờ, thiên thân ây nói kệ này roi, Tỳ-kheo kia nghe xong, chuyên tâm tư duy, đoạn những phiền não, đắc A-la-hán. ***

1334. TƯ DUY BẤT CHÁNH28

29

Tôi nghe như vây:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ.

Bấy giờ, có vị Tỳ-kheo du hóa trong nhân gian tại nước Câu-tát-la rồi tru 9 e • r trong một khu rừng, buôi trưa nghỉ ngơi, khởi tư duy bát chánh. LÚC đó, có một thiên thân ở trong rừng này suy nghĩ: "Dây chăng phải là pháp Tỳ-kheo, sống ở trong rừng, buổi trưa nghỉ ngơi mà khởi tư duy bất chánh. Bây giờ, ta nên dùng phương tiện khéo léo cảnh tỉnh vị ấy."

28 Nguyên tác: Như thích quân trì tượng/ Phấn tấn khử trần uế (/ Phật thuyệt Mục-liên ngũ bách vân giới luật trung khinh trọng sự kỉnh thỉch^i (X44. 0751.2. 0949al2), “qu^n” (B) mang nghía la bầy, đàn (.). 29 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.1334. 0368Ồ09). Tham chiếu: Biệt Tạp. (F.02. 0100354. O49ồa24); s. 9.11 - L 203.

1482 KINH TẠPA-HÀM

Thế là, thiên thần liền nói kệ: Sao không chánh tư duy, Bị giác, quán nuốt chửng? Nên bỏ niệm bất chánh, Chuyên tu tập thiền đinh. Tôn kính Phật, Pháp, Tăng, Và giữ gìn tịnh giới, Thường sanh tâm tùy hỷ5 Hỷ lạc càng tăng tiên, Do nhờ tâm hoan hỷ, Chóng vượt thoát khô đau. Sau khi thiên thần nói kệ khuyến phát, Tỳ-kheo kia chuyên tinh tư duy, dứt sạch phiền não, đắc A-la-hán. *** 1335. GIỮA TRƯA30 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có vị Tỳ-kheo du hóa trong nhân gian ở nước Câu-tát-la? rồi tru trong một khu rưng, buổi trưa nghỉ ngơi. Vào lúc giữa trưa ấy, vị Tỳ-kheo bỗng sanh tâm không vui, nói bài kệ: Giữa trưa ngày hôm nay, Chim chóc đều im ắng, Rừng vắng bỗng có tiếng, Khiến tâm ta sợ hãi. Khi ấy, thiên thần đang sống trong rừng nói kệ: Giữa trưa ngày hôm nay, Chim chóc đều im ắng, Rừng vắng bỗng có tiếng, Nấu tâm thầy không vui, Thầy nên bỏ không vui, Chuyên vui tu thiền định. Sau khi nghe thiên thần nói kệ cảnh tỉnh rồi,

Tỳ-kheo ấy chuyên tinh tư duy, xả trừ phiền não, đắc A-la-hán. *** 1336. TÔN GIẢA-NA-LUẬT31 r A

Tôi nghe như vây: X

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc? trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật-đà du hóa trong nhân gian ở nước Câu-tát-la và tru trong một khu rừng.

3.Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r.02. 0099.1335. 0368Ồ22). Tham chiếu: Biệt Tạp. (r.02.0100355. 0490b03);S. 1.15-í.7y 9.12-1.203. 31 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1336. 0368c05). Tham chiếu: Biệt Tạp. (T.Ờ2. 0100356. 0490b13); s. 9.6 - L 200.

QUYỂN 50 1483

Khi ấy, có thiên thần tên Xà-lân-ni9 32 vốn là bạn cũ của Tôn giả A-na-luật? đi đến chỗ Tôn giả và nói kệ: Nay thầy hãy phát nguyện, Nguyện sanh lại chốn cũ, Trên cõi Ba Mươi Ba, Đây đủ năm dục lạc, Cùng hàng trăm loại nhạc, Thường tự mình hoan ca. Những khi nằm ngủ xong, Âm nhạc báo thức giấc, Chư thiên cùng ngọc nữ, Ngày đêm hầu hai bên. Tôn giả A-na-luật nói kệ đáp: Chư thiên cùng ngọc nữ, Đều là khối khổ lớn, Vì bị điên đảo tưởng, Trói buộc, có thân kiến, Ai cầu sanh về đó, Cũng chiu nỗi khổ lớn. Xà-lân-ni nên biết, Ta không nguyện sanh kia, Sanh tử đã dứt sạch, Không còn thọ thân sau. Khi Tôn giảA-na-luật nói lời này, thiên tử Xà-lân-ni nghe xong, hoan hỷ và tùy hỷ rồi liền biến mất. ***

1337. SIÊNG NĂNG TỤNG ĐỌC32 33 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà9 thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có vị Tỳ-kheo du hóa trong nhân gian tại nước Câu-tát-la? rồi tru ngụ trong một khu rừng, siêng tụng kinh, siêng giảng thuyết, tinh tấn tư duy, đắc quả A-la-hán. Khi chứng quả rồi, vị ấy không còn siêng năng tụng kinh, giảng thuyêt nữa. Khi ấy5 vi thiên thần ở trong rừng đó liền nói kệ: Tỳ-kheo! Thầy trước dây, Ngày đêm siêng tụng đọc, Thường cùng các Tỳ-kheo, Luận bàn nghĩa chắc thật.3435 Nay thầy đối Pháp cú,35 Lặng lẽ? chẳng nói năng, Không cùng các Tỳ-kheo? Luận bàn nghĩa chác thật. Tỳ-kheo ấy nói kệ đáp: Xưa chưa từng lìa dục, Tâm thường thích Pháp cú, Nay đã lìa dục rồi, Việc tụng thuyết đã xong.

32 Xà-lân-ni (Jālinī). 33 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7".O2. 0099.1337. 0368c23). Tham chiếu: Biệt Tạp. (7.02. 0100357. 0490b26); s. 9.10 I. 202. 34 Nguyên tác: Quyết định (niyato): Chắc thật, thật sự, cố định, nhất định,... 35 Pháp cú ()chỉ cho các thể thơ, kệ nói chung, chứ không phải chỉ riêng bộ Kỉnh Pháp củ như các thể loại thơ, kệ mà ở kinh số 1321; Tạp.(r02. 0099.1321. 0362c07) đã đê cập.

1484 KINH TẠP A-HÀM

Đã biết đạo tận tường, Thấy, nghe làm gì nữa? Thấy, nghe ở thế gian, Không bằng buông xả hết. Bấy giờ, thiên thần nghe Tỳ-kheo kia nói kệ, hoan hỷ và tùy hỷ5 rồi liền biến mất. *** 1338. KẺ TRỘM HƯƠNG36 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, có vi Tỳ-kheo du hóa

trong nhân gian ở nước Câu-tát-la9 roi dừng nghỉ trong một khu rừng. Tỳ-kheo ấy bị bệnh mắt, theo hướng dẫn của thầy thuốc thì cần phải ngửi hương hoa Bát-đàm-ma.37 Khi ấy, vâng theo lời chỉ bày nên vị Tỳ-kheo liền đến bên hồ hoa Bát-đàm-ma và ngồi trên bờ hồ đón gió, ngửi mùi hương hoa. Khi đó? có vị thiên thần chủ của hồ này, nói với Tỳ-kheo ấy: -Sao lại trộm hoa? Thầy đúng là kẻ trộm hương. Khi ấy, Tỳ-kheo nói kệ đáp: Không phá cũng không đoạt, Chỉ ngửi hương từ xa, Tại sao ông lại nói, Tôi là kẻ trộm hương? Thiên thần nói kệ đáp: Không xin mà tự lấy, Thế gian gọi là trộm. Nay người ta không cho, Mà thầy tự đến ngửi, Theo thế gian gọi đó, Đích thực người trộm hương. Lúc đó, bồng có một người đến nhổ ngó sen, rồi mang vác đi. Bấy giờ, Tỳkheo kia nói với thiên than rằng: Nay như người kia đó? Bẻ gãy Phân-đà-lợi5 Nhổ rễ rồi mang di, Mới là người gian xảo. Ong cớ sao không ngăn, Còn nói tôi trộm hương? Thiên thần nói kệ đáp: r

Người gian xảo, cuồng loạn, Giông như áo bà vú, Đâu cần nói gì thêm, Chỉ nên nói với thầy. Cà-sa không được bẩn, Áo đen, mực chẳng dơ, Người hung ác, gian xảo, Thế gian không nói tới. Ruồi đậu dơ lụa trắng, Do sáng, vết nhỏ hiện,

36 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1338. 0369a09). Tham chiếu: Biệt Tạp. (r.02. 0100358. 049ỒC09); S. 9.14-1.204. 37 Bát-đàm-ma (paduma): Hoa sen hồng.

Như giọt mực dính ngọc, Tuy nhỏ nhưng hiện rõ.
Thường theo đạo cầu tịnh, Không kết, lìa phiền não,
Ác tuy như lông, tóc, Người thấy như núi Thái.
Tỳ-kheo lại nói kệ:
Nói khéo! Quả thật hay, Lấy nghĩa an ủi tôi,
Ông hãy thường vì tôi, Luôn luôn nói kệ này.
Thiên thần lại nói kệ:
D
Toi chăng phải tôi tớ, Chăng phải người của thây, Làm sao thường theo thầy, Đe mà luôn nhắc nhở? Nay thầy nên tự biết, Những sự lợi ích kia. Bấy giờ, thiên thần ấy nói kệ rồi, vị Tỳ-kheo nghe xong được hoan hỷ và tày hỷ? liền rời khỏi chỗ ngồi, một mình ở nơi thanh vắng, chuyên tinh tư duy, đoạn các phiền não, đắc A-la-hán. *** 1339. THỢ SĂN38 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, Tôn giả Thập Lực Ca-diếp đang ở trong hang Tiên Nhân, thành Vương Xá. Lúc đó? cách chỗ Tôn giả Thập Lực Ca-diếp không xa có người thợ săn tên là Xích Chỉ đang giăng lưới bắt nai. Khi ấy, Tôn giả Thập Lực Ca-diếp vì lòng thương xót liền thuyết pháp cho người thợ săn ấy, nhưng ông ta vẫn không thể hiểu nổi. Thế rồi, Tôn giả vận thần lực khiến lửa cháy nơi đầu ngón tay, nhưng người thợ săn vẫn không tỏ ngộ. Bây giờ, vị thiên thân đang ở trong hang Tiên Nhân liên nói kệ: Thợ săn trong núi sâu, Trí kém, mắt như mù, Sao nói không đúng thời, Đức mỏng, tuệ không thông? CÓ nghe cũng chăng hiêu, Trời sáng cũng không thay. Với những pháp thiện

thăng, Kẻ ngu chẳng thể rõ, Dù đốt mười ngón tay, Cũng không thể thấy đạo. Sau khi nghe vị thiên thần nói kệ này rồi, Tôn giả Thập Lực Ca-diếp liền im lặng. ***

38 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1339. 0369b17). Tham chiếu: Biệt Tạp. (7.02. 0100359. 049Ìa26); s. 9.3 - L 198.

1340. TÔN GIẢ KIM CƯƠNG TỦ^9 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Khi ấy? có Tôn gi Kim Cương Tử39 40 sống trong rừng tại ấp Ba-liên-phất.41 Lúc đó, dân chúng ấp Ba-liên-phất vừa trải qua bốn tháng mùa mưa nên mở đại hội Kiêu-mâu-ni.42 Tôn giả Kim Cương Tử nghe dân chúng mở đại hội, sanh tâm không vui, liền nói kệ rang: Một mình ở rừng vắng, Như cây khô bi bỏ? Tháng cuối của mùa mưa/3 Thế gian vui mở hội, Xem khắp cả thế gian, Không ai khổ hơn ta. Khi ấy, vi thiên thần trong rừng nói kệ: Một mình trong rừng vắng, Như cây khô bị bỏ, Làm trời Ba Mươi Ba, Tâm thường nguyện an vui, Giông như trong địa ngục, Mong muôn sanh cõi người. Lúc đó, Kim Cương Tử được vi thiên thần ấy khuyến phát rồi, chuyên tinh tư duy, đoạn dứt phiền não, đắc A-la-hán. ***

1341. TRÌ GIỚI VÀ ĐA VĂN44 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. J r Bây giờ, có Tỳ-kheo du hóa trong nhân gian tại nước Câu-tát-la và dừng nghỉ trong một khu rừng, chỉ thích trì giới, nên công đức của thầy ấy không thê tăng tiên lên được. Lúc đó, trong rừng ấy có vị thiên thần trú ngụ nghĩ rằng: "Đây chẳng phải pháp Tỳ-kheo, sống ở trong rừng, chỉ thích trì giới, nên công đức không thể tăng tiến lên được. Nay ta phải dùng phương tiện để cảnh tỉnh thầy ấy.” Thiên thần liền nói kệ:

39 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1340. 0369c02). Tham chiếu: Biệt Tạp. (r.02. 0100.360. 0491Ồ10); s. 9.9 -1. 201. 40 Kim Cương Tử ().s. 9.9 - L 201 gọi là Vajjiputta (Bạt-kỳ tử). 41 Ba-liên-phất ấp (Pātaliputta). Xem chú thích trong Tạp.(T.02. 0099.601. o 160c 16). 42 Kiêu-mâu-ni đại h0i (Komudĩ): Ngày hội ũãng tròn của tháng Kattikā (Kattikā puụụamã). Tính theo âm lịch An Độ, tháng Kattikā bat đầu vào ngày 16 tháng 9 và kết thúc vào ngày 15 tháng 10. Biệt Tạp.(r.02. 0100.360. 0491Ồ11) gọi là ^Cau-māt-de đại h0i” (). 43 Nguyên tác: Hạ thời tứ nguyệt mỗừi ()Mùa mưa ở Án Độ kéo dài khoảng 4 tháng. Do vậy “tứ nguyệt mãn,, ()& đây chỉ cho tháng thứ tư, tháng kết thúc mùa mưa, không phải tháng Tư trong 12 tháng. J J 44 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1341. 0369cl6). Tham chiếu: Biệt Tạp. (7.02. 0100361. 0491bl9); s. 9.5 L 199.

Chẳng phải chỉ trì giới, Mà phải tu đa văn, Tịch tĩnh tu thiền đinh, Nhàn cư tu viễn ly. Tỳ-kheo thích an nhàn, Không thể nào sạch lậu, Vui bình đẳng, chánh giác, Mới vượt thoát phàm phu. Sau khi được thiên thần khuyến tấn, vị Tỳ-kheo này siêng năng tư duy thiền đinh, liền đoạn trừ được các phiền não, chứng đắc A-la-hán. *** 1342. TÔN GIẢ NA-CA-ĐẠT-ĐA45 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tôn giả Na-ca-đạt-đa46 du hóa trong nhân

gian tại nước Câu- tát-la và dừng nghỉ trong một khu rừng, nơi mà người tại gia và người xuất gia thường thân cận với nhau.47 Lúc đó, trong rừng ấy có vị thiên thần tru ngụ nghĩ rằng: "Bây chẳng phải pháp Tỳ-kheo, sống ở trong rưng, nơi mà người tại gia với người xuất gia thường xuyên qua lại với nhau. Nay ta phải dùng phương tiện để cảnh tỉnh thầy ấy." Thiên thần liền nói kệ: Tỳ-kheo sáng ra di, Chiều tối trở về rừng, Bạo, tục gần gũi nhau, Khổ, vui cùng chia sẻ? Gần thế tục, buông lung, Sẽ bị ma sai khiến. Sau khi được thiên thần kia nhắc nhở như vậy như vậy, Tỳ-kheo Na-ca-đạt- đa liền chuyên tâm tư duy như vậy như vậy, đoạn trừ được các phiền não, cnứng đắc A-la-hán. *** 1343. CẢNH TỈNH BUÔNG LUNG48 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có rất nhiều Tỳ-kheo du hóa trong nhân gian tại nước Câu-tát-la và dừng nghỉ trong một khu rừng. Các vị này thường nói năng, cười giỡn suốt

45 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1342. 0369c28). Tham chiểu: Biệt Tạp. (7.02. 0100362. 049ÌỒ26); s. 9.7 - L 200. 46 Na-ca-đạt-đa (Nāgadatta). 41 Biêt Tạp.(7.02. 0100.362. 0491b27): Ưa thích pháp thế gian, sáng sớm vào thôn xóm đến chiều tối mới trở về (iī). 48 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(F.02. 0099.1343. 0370all). Tham chiếu: Biêt Tạp. (r.02. 0100363. 049ÌC07); s. 2.25 - L 61; 9.13 - L 203; A 2.42 - L 70.

ngày khiến tâm tán loạn, không chút định tĩnh, buông thả các căn, chạy theo sáu tran. Lúc đó, có vị thiên thần ở trong rừng này thấy các Tỳ-kheo không giữ oai nghi thì trong lòng không vui, liền nói kệ: Trước đây chúng đệ tử, Chánh mạng của Cù-đàm, Quán vô thường, khất thực, Nghĩ vô thường, khi nằm, Nhờ quán đời vô thường, Mà hoàn toàn dứt khổ. Nay chúng khó bảo ban, Dự vào hàng Thích chủng,49 Lại xin ăn khắp chốn, Rảo quanh hết mọi nhà. Xuất gia còn cầu tài, Chưa đúng nguyện Sa-môn, Tăng-già-lê lết phết, Như bò già kéo đuôi. Bấy giờ, các Tỳ-kheo hỏi thiên thần: Ông chán ghét chúng tôi ư? Lúc ấy, thiên thần lại nói kệ: Không nêu tên dòng họ, Chẳng nói đích danh ai, Mà xét chung chúng ấy, Chỉ ra điều không hay. Với người hiện thô lậu, Phương tiện chỉ lỗi lầm, Còn với người siêng tu, Tôi quy y kính lễ. Sau khi được thiên thần nhắc nhở, các Tỳ-kheo đều chuyên tâm tư duy thiền đinh, đoạn trừ được các phiền não, chứng đắc A-la-hán. ***

1344. VƯỢT LÊN DƯ LUẬN50 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. J J J Bây giờ, có vị Tỳ-kheo du hóa trong nhân gian tại nước Câu-tát-la và dừng nghỉ trong một khu rừng. Vi Tỳ-kheo ấy đùa giỡn với vợ con của một vị trưởng giả, dẫn đến việc mang tiếng xấu. Khi ấy, thầy Tỳ-kheo kia tự nghĩ: "Nay ta thật chẳng ra gì, đã mang tiếng xấu với phụ nữ. Ta nay muốn tự sát ngay trong rừng nay?9 Lúc đó, trong rừng này có vi thiên thần trú ngụ suy nghĩ: "Không tốt rồi, không hay rồi! Thầy Tỳ-kheo này không hư hỏng, không có lỗi mà lại muốn tự sát trong rừng này. Bây giờ, ta hãy tìm cách khai ngộ thầy ấy.” Thế rồi, vị thiên thân liên biên thành con gái của trưởng giả kia, rồi nói với thầy Tỳ-kheo:

49 Nguyên tác: Sa-môn (). 5(LTựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1344. 0370ÒO2). Tham chiếu: Biêt Tạp. (T.02. 0100364. 0491c26); s. 9.8 - L 201.

QUYỂN 50 1489

ở các ngõ hẻm hay ngã tư đường, mọi người đều đồn đại tai tiếng giữa tôi và thay, họ nói tôi và thầy gần gũi nhau, làm điều bất chánh. Lỡ bị tai tiếng xấu rồi, nên nay thầy hãy hoàn tục để chúng ta cùng nhau hưởng lạc. Thầy Tỳ-kheo đáp: -Vì ở các ngõ hẻm hay ngã tư đường, mọi người đều đồn đại tai tiếng giữa tôi và cô, họ nói tôi và cô gần gũi nhau, làm điều bất chánh, nên hôm nay tôi sẽ tự sát. Lúc này, vị thiên thần kia liền trở lại thân trời rồi nói kệ: Dàu bị nhiều tiếng xấu, Người khổ hạnh nên nhẫn, Chớ có tự hại mình, Cũng không nên phiền não. Nghe tiếng mà sợ hãi, Là cầm thú trong rừng, Là chúng sanh xao động, Không đúng pháp xuất gia. Nhân giả nên kham nhẫn, Chớ dính mắc tiếng xấu, Biết giữ tâm kiên định, Đó là pháp xuất gia. Không vì người khác nói, Khiến thầy thành giặc cướp, Cũng không vì người nói, Mà thầy đắc La-hán, Nếu thầy đã tự biết, Chư thiên cũng biết vậy. Sau khi được thiên thần nhắc nhở cảnh tính, thầy Tỳ-kheo liền chuyên tâm thiên định, đoạn trừ được các phiên não, chứng đác A-la-hán. *** 1345. TỲ-KHEO KIÉN-ĐA51 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có Tôn giả Tỳ-kheo Kiến-đa du hóa trong nhân gian tại nước Câu- tát-la và dừng nghỉ trong một khu rừng. Thầy ấy chuyên mặc y phấn tảo. Lúc đó, Phạm thiên vương cùng với bảy trăm vị trời Phạm thiên từ cung điện của họ đi đến chỗ Tôn giả Tỳ-kheo Kiến-đa5 cung kính lễ bái. Khi ấy, có vị thiên thần ở trong rừng này nói kệ: Thấy bậc lăng các căn, Cảm đến khéo cúng dường, Bậc đã chứng Ba minh, Được pháp không khuynh động. Vượt lên mọi phương tiện, Buông việc, mặc y thô, Bảy trăm vi Phạm thiên, Từ cung trời đi đến, Thấy sanh tử có bờ, Lễ bậc vượt bờ hữu. Sau khi vị thiên thân kia nói kệ khen ngợi Tỳ-kheo Kiên-đa xong thì biên mát. *** 51 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1345. 0370ỒO27).

1490 KINH TẠPA-HÀM

1346. CẢNH TỈNH MÊ NGỦ (2)52 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. J Bấy giờ, có vị Tỳ-kheo du hóa trong nhân gian tại nước Câu-tát-la và dừng nghỉ trong một khu rừng. Lúc đó, Tỳ-kheo ấy thân thể mỏi mệt, nên đêm đến ngủ say. Khi ấy, có vi thần trú trong rừng này đến nhắc nhở, nói kệ: Hãy tỉnh dậy, Tỳ-kheo! Cớ sao lại mê ngủ? Ngủ nghỉ có ích gì? Tu thiền chớ mê ngủ. Tỳ-kheo ấy nói kệ đáp: Không gượng nôi, làm sao? Lười biêng, thiêu nô lực, Duyên hết, thân thể suy, Nên đêm về say ngủ. Lúc đó? thiên thần lại nói kệ: Ông cần phải gìn giữ, Chớ để tiếng vang to, Ông đã được tu hành, Chớ để cho giảm sút. Tỳ-kheo ấy lại nói kệ đáp: Toi sẽ theo lơi ong, Siêng năng nỗ lực tu, Không để bị mê ngủ, Thường che lấp tâm tôi. Sau khi vị thiên thần dùng lời như vậy như vậy để cảnh tỉnh, Tỳ-kheo ấy liền chuyên cần nỗ lực, rồi đoạn trừ được các phiền não, chứng đắc A-la-hán. Bấy giờ5 vị thiên thần ấy lại dùng kệ hỏi: Thầy làm sao tự tỉnh, Chuyên cần tu tinh tấn, Không bị các quân ma, Sai khiến thầy ngủ nữa? Lúc đó? Tỳ-kheo kia nói kệ đáp: Tư ay suốt bay đem, Thường tư duy thiền định? Tự thân được an ổn, Không chỗ nào thiếu sót. Đau

đêm quán túc mạng, Giữa đêm thiên nhãn tinh, Cuối đêm trừ vô minh, Rõ khổ, vui chúng sanh. Các hạng cao, trung, thấp, Hình dáng đẹp hoặc xấu, Biết rõ do nhân gì, Thọ quả báo như thế. Như người làm điều gì, Tự thấy điều đã làm, Thiện thì biết rõ thiện, Ác tự biết là ác. Vị thiên thần kia lại nói kệ: Toi biết trước tất cả, Mười bốn vị Tỳ-kheo? Đều là Tu-đà-hoàn, Thảy được thiền chánh thọ.

52 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1346. 0370c09). Tham chiếu: Tạp.(T.02. 0099.1332. 0367c17). -

r

Đi đên trong rừng này, Sẽ đắc A-la-hán.
Thấy thầy thường biếng trễ, Nam ngửa mà ngủ mê?
Mong thầy khác phàm phu, Nên mới cảnh tỉnh thầy.
Bấy giờ, vị Tỳ-kheo lại nói kệ:
ỉ .
Lành thay! Vị thiên thần, Dùng đạo lý nhác tôi,
Chí thành giúp khai ngộ, Khiến tôi sạch các lậu.
Lúc ấy, vị thiên thần này lại nói kệ:
Tỳ-kheo nên như vậy, Tín tâm, sống không nhà,
Xuất gia mà si mê? Bao giờ được thanh tịnh.
r
Tôi nay hộ trì thầy, Đên trọn một đời này, Khi thầy có bệnh dàu, Toi sẽ cung thuôc tôte Bấy giờ, vi thiên thần ấy nói kệ xong thì biến mất. *** 1347. KẺ SAY53 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất du hóa trong nhân gian tại nước Câu-tát-la và dừng nghỉ bên bờ ruộng nơi một ngôi làng. Sáng sớm, Tôn giả Xá-lợi-phất đắp r y, ôm bát vào làng khát thực. Lúc đó, có một Ni-kiên tử uông rượu say khướt, câm bình rượu từ trong làng đi ra, thấy Tôn giả Xá-lợi-phất liền nói kệ: Rượu gạo ướp thân tôi, cầm một bình rượu gạo, Thấy núi, đất, cỏ cây, Thảy một màu vàng ròng. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất suy nghĩ: "Thốt ra những lời lẽ tệ hại này là tà vật xấu xa, lại còn nói bài kệ này. Ta lẽ nào không thể dùng kệ để trả lời sao?" Thê roi, Ton giả Xa-lợi-phat liên noi kẹ: Được ướp vị Vô tưởng, cầm bình tam-muội Không, Thấy núi, đất, cỏ cây, Thảy giống như đờm dãi. *** 1348. DÃ CAN54 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc? trong rừng Kỳ-dà, thuộc nước Xá-vệ.

53 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1347. 0371a24). 54 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1348. 0371b08).

Bấy giờ, có vị Tỳ-kheo du hóa trong nhân gian tại nước Câu-tát-la và dừng nghỉ lại trong một khu rừng. Tuy thầy ấy đã đắc tha tâm trí nhưng phiền não vẫn còn. Cách rừng không xa, có một cái giêng, có con dã can đên uông nước bi măc kẹt cổ trong cái

gàu. Lúc đó, dã can kia tìm đủ cách để thoát ra và tự nghĩ: "Trời đã gần sáng rồi, người nông dân nếu ra đây sẽ dọa ta sợ hãi. Này, cái gàu! Ngươi dọa ta sợ hãi đã lâu, có thể giúp ta thoát ra kh6ng?" LÚC ây, vị Tỳ-kheo kia biết được tâm niệm của dã can, liên nói kệ: Mặt trời tuệ Phật chiếu, Lìa rừng nói pháp Không, Tâm sợ hãi bấy lâu, Nay phải buông bỏ thôi. Sau khi vi Tỳ-kheo ấy tự nhắc nhở mình thì tất cả phiền não dứt sạch, chứng đắc A-la-hán. ***

1349. NHỚ NGHĨ ĐẾN PHẬT55 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa trong nhân gian tại nước Câu-tát-la và nghỉ ngơi ở trong một khu rừng. Bây giờ, có vị thiên thân trú ngụ trong rừng này nhìn thây dâu chân của Phật, liên cúi xuồng xem kỹ, roi tu tập nhớ nghĩ đên Phật. Khi ây, có con chim Ưu-lâu đứng ở giữa đường, bước đi định giẫm lên dấu chân Phật thì vị thiên thần kia liền nói kệ: Nay chim Ưu-lâu ngươi, Mắt tròn, đậu trên cây, Chớ xóa vết Như Lai, Hỏng việc ta niệm Phật. Bay giờ, vị thiên than kia nói kệ xong thì im lặng niệm Phật. ***

1350. HOA BA-TRA-LỢI56 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa trong nhân gian tại nước Câu-tát-la và đến một khu rừng, ngồi nghỉ bên cội cây Ba-tra-lợi.57 Khi ấy, vị thiên thần trú ngụ trong rừng này nói kệ: Hôm nay gió chợt đến, Thổi cây Ba-tra-lợi, Hoa Ba-tra-lợi rơi, Cúng dường lên Như Lai. Bấy giờ, sau khi nói kệ xong, vị thiên thần đứng im lặng. ***

55 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1349. 0371bl8). 56 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1350. 0371b26). 57 Ba-tra-lợi (,Pātalī), tên một loại cây thiêng. Phật Tỳ-bà-thi thành Phật dưới gốc cây này.

QUYÊN 50 1493

1351. CHIM KHỔNG TƯỚC58

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-dà, thuộc thành Vương Xá.

Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo đang cư tru gần núi Chi-đề, đều là những Tỳkheo hành hạnh A-lan-nhã, đắp y phấn tảo, thường đi khất thực.

r y .

Khi ây, có vi sơn thân ở trong núi này nói kệ:

9

Không tước thân rực rỡ, ở núi Tỳ-đề-hê,59 Tùy thời hót tiếng hay, Nhắc Tỳ-kheo khất thực. 9

Không tước thân rực rỡ, ở núi Tỳ-đề-hê? Tùy thời hót tiếng hay, Nhác người đáp y vá. Khổng tước thân rực rỡ, ở núi Tỳ-đề-hê, Tùy thời hót tiếng hay, Nhắc vị ngồi bóng cây. Sau khi nói kệ xong, vị thiên thần đứng im lặng. *** 1352. TỲ-KHEO XÂY DƯNG60 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà? thuộc thành Vương Xá. Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo đang cư tru gần núi Chi-dề, tất cả đều là những Tỳ-kheo tu hạnh A-lan-nhã5 đắp y phấn tảo, thường đi khất thực. Bây giờ, bờ sông Na-ta-khư-đa bị sạt lở? làm chét ba vị Tỳ-kheo đang xây dựng. Lúc ây, thiên thân trong

núi Chi-đê nói kệ: A-lan-nhã khất thực, Cẩn thận chớ tạo dựng, Không thấy sông Khư-đa, Ven bờ bị sạt lở, Đè chết ba Tỳ-kheo5 Đang xây dựng đó ư? Tỳ-kheo đắp phấn tảo, Cẩn thận chớ tạo dựng, Không thấy sông Khư-đa, Ven bờ bị sạt lở, Đè chết ba Tỳ-kheo, Đang xây dựng đó ư? Tỳ-kheo ngồi bóng cây5 Cẩn thận chớ tạo dựng, Không thấy sông Khư-đa, Ven bờ bi sạt lở, Đè chết ba Tỳ-kheo, Đang xây dựng đó ư? Sau khi nói kệ xong, vị thiên thần đứng im lặng. ***

58 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.135Í. 037lc03). 59 Tỳ-đề-hê (Vediya), một ngọn núi ở phía Bắc Ambasanda, có hang động Nhân-đà-la (Indasālaguhā). 60 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(02. 0099.1352. 037ÍCÍ4).

1353. CHÁY RỪNG61 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà. Bấy giờ, có vị Tỳ-kheo đang cư tru tại núi Tần-đà. Bỗng nhiên khu rừng trong núi bốc cháy dữ dội, cả ngọn núi đỏ rực. Lúc đó, có một người thế tục nói bài kệ: Nay núi Tần-đà này, Bốc lửa cháy dữ dội, Thiêu rụi rừng trúc kia, Đốt sạch hoa quả trúc. Tỳ-kheo nghe kệ suy nghĩ: "Người thê tục còn có thê nói được bài kệ này, sao ta không nói kệ đáp lại?", liền nói kệ: Tất cả bị đốt cháy, Không tuệ nào cứu được, Thiêu hủy các thọ dục, Lan cả kho chưa sanh. Sau khi nói kệ xong, vị Tỳ-kheo đứng im lặng. ***

1354. THEO DÒNG THÁNH ĐẠO62 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đà. Bấy giờ5 có vi Tỳ-kheo cư tru bên bờ sông Hằng và dừng nghỉ trong một khu rừng. Khi ấy, có một thiếu phụ gia đình hào tộc thường bị cha mẹ chồng trách mắng, nên đến bên bờ sông Hằng rồi nói kệ: Sông Hăng! Nay tôi muôn, Theo dòng nước ra biên, Tránh bị bố mẹ chồng, Thường xuyên trách mắng tôi. Vị Tỳ-kheo kia thấy thiếu phụ gia đình hào tộc và nghe cô ấy nói bài kệ đó? liền khởi nghĩ: "Thiếu phụ gia đình hào tộc kia còn có thể nói kệ, nay tại sao ta không nói kệ đáp lại?", lin nói kệ: Tịnh tín! Nay tôi muốn, Theo dòng nước bát Thánh, Trôi vào biển Niết-bàn, Không bị ma trói buộc. Sau khi nói kệ xong, vị Tỳ-kheo đứng im lặng. ***

1355. KẺ TRỘM DƯA63

Tôi nghe như vầy:

Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước

Xá-vệ.

61 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1353. 0371c29). 62 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1354. 0372al0). 63 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.t.02 0099 1355 0372a22)

Bấy giờ, có Tỳ-kheo du hóa trong nhân gian tại nước Câu-tát-la và dừng nghỉ ở trong một khu rừng. Cách khu rừng này không xa có một ruộng dưa. Đêm xuống, có kẻ trộm đến ruộng để trộm dưa, nhìn thấy mặt trăng sắp mọc, ke áy liên noi kẹ: Trăng ơi! Chớ vội mọc, Đợi ta hái trái dưa, Ta mang dưa đi rồi, Mặc tình ông mọc, lặn. Khi ấy, vị Tỳ-kheo kia suy nghĩ: "Kẻ trộm dưa mà còn có thể nói kệ? chẳng lẽ ta không thể nói kệ

đáp lại sao?", Ii2n nói kệ: Ác ma, ngươi chớ hiện, Đợi ta đoạn phiền não, Phiền não kia dứt rồi, Mặc tình ngươi ẩn, hiện. Sau khi nói kệ xong, vi Tỳ-kheo đứng im lặng. *** 1356. SA-DI NÓI KỆ64 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ5 có vị Tỳ-kheo du hóa trong nhân gian tại nước Câu-tát-la và dừng nghỉ trong một khu rừng. Lúc đó, có một Sa-di nói kệ: Thế nào gọi là thường? Khất thực tức là thường. Thế nào là vô thường? Tăng ăn là vô thường. Thế nào gọi là thẳng? Cây phướn trời Đế-thích.65 Thế nào gọi là cong? Đó chính là móc câu. Vi Tỳ-kheo kia liền tự nghĩ: Sa-di đó còn có thể nói kệ này thì sao ta không nói kệ đáp tr?", liền nói kệ: Thế nào gọi là thường? Thường chính là Niết-bàn5 Thế nào là vô thường? Là các pháp hữu vi. Thế nào gọi là thẳng? Là Thánh đạo tám chi, The nào gọi là cong? Cong chính là đường ác. Sau khi nói kệ xong, vị Tỳ-kheo đứng im lặng. *** 1357. BÁT SÀNH66 Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ.

64 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(7.02. 0099.1356. 0372b04). 65 Nguyên tác: Nhân-đà-la (Inda). 66 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1357. 0372bl8).

Bấy giờ, có vị đệ tử của Tôn giả Xá-lợi-phất sau khi uống thuốc xong, đinh đi tìm chút cháo lót lòng. Lúc đó, Tôn giả Xá-lợi-phất đến nhà thợ gốm để xin cái bát sành. Người thợ gốm kia liền nói kệ hỏi: Sao để được nổi danh, Mà không tốn đồng nào? Sao để được đức lành, Mà của cải không hao? Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất nói kệ đáp: Như người không ăn thịt, Lại biếu thịt cho họ9 Những vị tu Phạm hạnh, Mà đem dâng nữ sắc, Người không ngồi giường cao, Lại đem giường cao biếu, Với người sắp rời đi, Mà thí cho chỗ nghỉ. Bố thí như thế đó, Thì của cải không giảm, Lại còn được tiếng khen, Cũng không tốn chút tiền, , :M Đức lành, tiêng thơm vang, Mà của cải không giảm. Bấy giờ, người thợ gốm kia lại nói kệ: Nay Xá-lợi-phất ngài, Đã nói điều rất hay, Xin cúng trăm chiếc bát, Không dư cũng không được. Tôn giả Xá-lợi-phất liền nói kệ: Cõi trời Ba Mươi Ba, Diệm-ma, Đâu-suất-đà, Hóa Lạc, các trời, người, Và Tha Hóa Tự Tại, Nhờ tin mà được bát, Ong lại không khéo tin. Sau khi nói kệ xong, Tôn giả Xá-lợi-phất im lặng rời khỏi nhà ông thợ gốm. ***

1358. TƯ DUY CỦA NGƯỜI NGHÈO67 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. J J Bây giờ, có vi Tỳ-kheo du hóa trong nhân gian tại nước Câu-tát-la và dừng nghỉ trong một khu rừng. Lúc đó? có một người nghèo sống bên bìa rừng, tự mình khởi niệm mong cầu rồi nói kệ: Ước gì được đầu heo, Và một bình rượu ngon, Đựng đầy trong cái chậu, Người luôn mang đen cho, Nếu đã được như thế, Còn gì phải nghĩ lo? LÚC ây, vị Tỳ-kheo kia tự nghĩ: "Người nghèo này còn có thê nói kệ, nay sao ta không nói kệ đáp lại?”, liền nói kệ: Nếu được Phật, Pháp, Tăng, Tỳ-kheo khéo thuyết pháp, Ta không bệnh, nghe mãi, Không sợ chúng ma oán.

67 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1358. 0372c12).

Sau khi vị Tỳ-kheo nói kệ xong thì đứng im lặng. *** 1359. MONG CẦU Y TỐT68 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà9 thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, có vị Tỳ-kheo du hóa trong nhân gian tại nước Câu-tát-la và dừng nghỉ trong một khu rừng. Khi ấy, vị Tỳ-kheo tự mình khởi nghĩ: "Nếu được vải tốt dài bảy khuỷu tay, rộng hai khuỷu tay để may cái y thì ta vui tu thiện pháp." LÚC đó, có vị thiên thân trú ngụ trong khu rừng này khởi nghĩ: "Đây chăng phải pháp Tỳ-kheo, sống ở trong rừng mà khởi niệm mong cầu y t6t." Thế rồi thiên thần biến thành một bộ xương, đến trước vị Tỳ-kheo vừa múa vừa nói kệ: Tỳ-kheo câu vải tôt? Bảy khuỷu, rộng sáu thước, Ngày thì mơ như thế, Đêm về lại nghĩ gì? Khi ấy, vị Tỳ-kheo kia sợ hãi, toàn thân run rẩy, liền nói kệ: Thôi, thoi, không cần vải, Y phấn tảo được rồi, Ngày thấy bộ xương múa5 Đêm sẽ thấy gì đây? Sau một phen kinh sợ5 vi Tỳ-kheo ấy liền chánh tư duy, chuyên tinh tu tập, đoạn trừ được phiền não và chứng đắc A-la-hán. *** 1360. VŨNG BÙN69 Tôi nghe như vay: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có vị Tỳ-kheo du hóa trong nhân gian tại nước Câu-tát-la và dừng nghỉ trong một khu rừng. Vi Tỳ-kheo này đã chứng đắc A-la-hán, các lậu đã dứt sạch, việc cần làm đã làm xong, đã đặt các gánh nặng xuống, đã đoạn trừ các hữu kiết sử, đạt được chánh trí, tâm được giải thoát hoàn toàn.70 Khi đó? vào lúc đêm tối, mưa rơi lất phất, sấm chóp sáng lòa, có một cô gái đi qua khu rừng này, muốn đến với người đàn ông khác. Cô gái ấy bị té ngã trong vũng bùn sâu, vòng xuyến bị gãy, chuỗi hoa rơi vãi. Lúc ấy, cô gái kia liền nói kệ: Đầu tóc bi xổ tung, Chuỗi hoa rơi xuống bùn, Vòng xuyến đều gãy khúc, Chàng đang ở nơi đâu?

68 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1359. 0372c24). 69 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(r02. 0099.1360. 0373a09). 70 Nguyên tác: Thiện giải thoát (suvimuttà). Xem chú thích trong Tạp.(T.02. 0099.22. 0004c20). .

Khi ấy, vị Tỳ-kheo kia tự nghĩ: “C6 gái ấy còn có thể nói kệ, ta lẽ nào không thể nói kệ đáp lại?", liền nói kệ: Phiền não đều gãy đứt, Vượt vũng bùn tử sanh, Trói buộc đều rơi rụng, Ta thấy Phật mười phương. Sau khi vị Tỳ-kheo ấy nói kệ xong thì đứng im lặng. ***

1361. HÂN HOAN71 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có vị Tỳ-kheo du hóa trong nhân gian tại nước Câu-tát-la và dừng nghỉ trong một khu rừng bên cạnh dòng sông. Lúc đó? có hai vợ chồng dẫn nhau qua sông, đứng bên bờ sông, đàn hát đùa giỡn, rồi noi kệ: Thương nhớ và phóng đãng, Tiêu dao giữa rừng xanh, Nước chảy, chảy lại trong, Tiếng đàn rất hòa mỹ. Trời xuân thỏa dạo chơi, Khoái lạc còn gì hơn? Tỳ-kheo ấy suy nghĩ: “Hai người kia còn có thể nói kệ? lẽ nào ta không thể nói kệ đáp lại?", liền nói kệ: Thọ trì giới thanh tinh, Thương mến Đẳng Chánh Giác, Tắm gội Ba giải thoát,72 Khéo dùng, rất thanh lương, Nhập đạo đủ trang nghiêm, Vui thích nào hơn đây? Sau khi nói kệ này xong, vi Tỳ-kheo ấy đứng im lặng. ***

1362. TÍCH GÓP73 Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật ngụ tại vườn cấp Cô Độc, trong rừng Kỳ-đà? thuộc nước Xá-vệ. Bây giờ, có Tỳ-kheo du hóa trong nhân gian tại nước Câu-tát-la và dừng nghí ở trong rừng. Lúc đó, có vị thiên thần nhìn thấy những con chim bồ câu, liên nói kệ: Bồ câu hãy tích góp, Ngũ cốc, mè, gạo, thóc, Cất trên cây trong núi, Làm hang tổ chỗ cao, Đe gặp lúc trời mưa, Yên tâm ăn, uống, nghỉ.

71 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(102. 0099.1361. 0373a23). 72 Tam gi thoát ().Theo Đại trí (T.25. 1509.030. 0282c07) là 3 cửa giải thoát gom: Không, Vô tương và Vô tác (:,). 73 Tựa đề đặt theo nội dung kinh. Tạp.(T.02. 0099.1362. 0373Ồ07).

QUYỂN 50 1499

Khi ấy, vị Tỳ-kheo kia tự nghĩ: "Lòi kệ kia cũng giác ngộ ta!,5? liền nói kệ: Phàm phu tích pháp lành, Cung kính với Tam bảo, Thì sau khi lâm chung, Thân tâm được an lạc. Sau khi Tỳ-kheo kia nói bài kệ này xong, thầy ấy tỉnh ngộ, chuyên tâm tư duy, dứt sạch các phiền não, chứng đắc A-la-hán.74

74 Bản Hán, hết quyển 50.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.